

Số: 2932/2023/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 10 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 907/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Ông Trương Nhật T, sinh năm 1991.

Căn cước công dân số: 092091013983.

Do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội cấp ngày 22/11/2021.

Địa chỉ: Số 35/17/11 Đường 4, tổ 16, khu phố 6, phường C, thành phố C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1992.

Căn cước công dân số: 083192004139.

Do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội cấp ngày 02/8/2022.

Địa chỉ: Số 35/17/11 Đường 4, tổ 16, khu phố 6, phường D, thành phố D, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2023, người yêu cầu đã tự nguyện thỏa thuận như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Nhật T và Bà Nguyễn Thị M thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2015, quyển số 01/2014, đăng ký ngày 24/6/2021, tại Ủy ban nhân dân xã An Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre).

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Ngọc Cát V (nữ) sinh ngày 01/02/2018 và Trương Nhật D (nam), sinh ngày 29/11/2015.

Hai bên thống nhất giao 02 con chung tên Trương Ngọc Cát V (nữ) sinh ngày 01/02/2018 và Trương Nhật D (nam), sinh ngày 29/11/2015 cho Bà Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của Bà Nguyễn Thị M và Ông Trương Nhật T; Ông Trương Nhật T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng (mỗi người con 2.500.000 đồng/tháng), thực hiện cấp dưỡng vào ngày đầu tiên mỗi tháng cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Ông Trương Nhật T và Bà Nguyễn Thị M tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Trương Nhật T và Bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ nộp lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Nhật T và Bà Nguyễn Thị M thuận tình ly hôn.

1.2 Về con chung: Ông Trương Nhật T và Bà Nguyễn Thị M có 02 con chung tên Trương Ngọc Cát V (nữ), sinh ngày 01/02/2018 và Trương Nhật D (nam), sinh ngày 29/11/2015.

Hai bên thống nhất giao 02 con chung tên Trương Ngọc Cát V (nữ), sinh ngày 01/02/2018 và Trương Nhật D (nam), sinh ngày 29/11/2015 cho Bà Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của Bà Nguyễn Thị M và Ông Trương Nhật T, Ông Trương Nhật T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng (mỗi người con 2.500.000 đồng/tháng), thực hiện cấp dưỡng vào ngày đầu tiên mỗi tháng cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quyền và nghĩa vụ của Ông Trương Nhật T và Bà Nguyễn Thị M về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3 Về tài sản chung: Ông Trương Nhật T và Bà Nguyễn Thị M tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Không có.

1.5 Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng Ông Trương Nhật T và Bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ nộp, nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0002896 ngày 14/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trương Nhật T và Bà Nguyễn Thị M đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Người yêu cầu;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Thị Loan